

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MINH HỮU LIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14052018/MHL-CBTT

TP. HCM, ngày 14 tháng 05 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: Cổ phần Minh Hữu Liên

Trụ sở chính: R1-49 KP Hưng Phước 4, PMH, Bùi Bằng Đoàn, P. Tân Phong, Quận 7, TP. HCM

Điện thoại: 84-8.54122948

Fax: 84-8.54122947

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Tuấn Minh

Địa chỉ: R1-49 KP Hưng Phước 4 – PMH, Bùi Bằng Đoàn, P. Tân Phong, Quận 7, TP. HCM

Điện thoại (cơ quan): 84-8.54122948

Fax: 84-8.54122947

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/03/2018 của Công ty cổ phần Minh Hữu Liên.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VT.

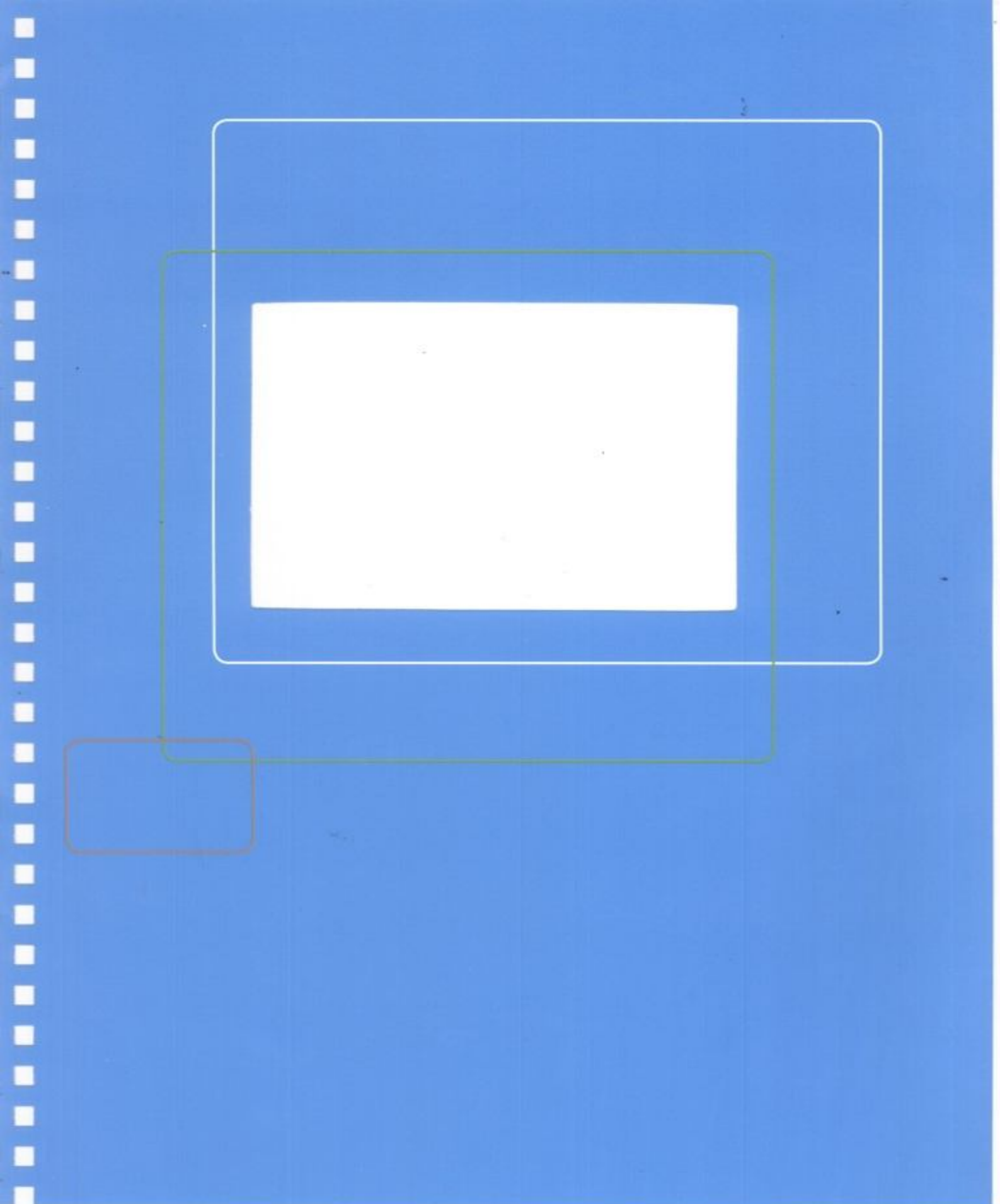
Ngày 14 tháng 05 năm 2018

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



TRẦN TUẤN MINH



**CÔNG TY CỔ PHẦN
MINH HỮU LIÊN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/03/2018

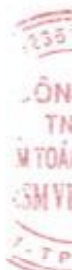


CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 25



CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày
31/03/2018

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Tuấn Minh	Chủ tịch
Ông Trần Xảo Cơ	Phó Chủ tịch
Ông Lê Tấn Quốc	Thành viên
Ông Khuru Kim Hòa	Thành viên – Từ nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2018
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban
Bà Hồ Thị Huỳnh Giao	Thành viên
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Tuấn Minh	Giám đốc
Ông Lê Tấn Quốc	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày
31/03/2018

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Trần Tuấn Minh
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2018

Số: 18.536/BCSX – RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên, được lập ngày 12 tháng 05 năm 2018, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đặng Thị Hồng Loan

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2018

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng
 Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7
 Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày
 31/03/2018

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/03/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 31/03/2018	Tại ngày 01/10/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		143.992.201.094	149.288.390.001
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	5.042.053.037	7.109.332.972
1. Tiền	111		5.042.053.037	7.109.332.972
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.157.836.840	59.996.714.548
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	43.024.795.411	42.975.280.207
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	1.409.206.899	17.785.807.074
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.025.814.314	537.607.051
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(1.301.979.784)	(1.301.979.784)
III. Hàng tồn kho	140	4.5	73.785.072.823	68.560.780.277
1. Hàng tồn kho	141		73.785.072.823	68.560.780.277
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.007.238.394	13.621.562.204
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	2.944.520.631	2.238.144.452
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.10	17.471.791.063	10.792.491.052
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	590.926.700	590.926.700
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		67.588.601.618	29.873.281.918
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		448.840.000	448.840.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		448.840.000	448.840.000
II. Tài sản cố định	220		22.824.890.983	23.456.653.273
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	22.664.771.415	23.271.639.015
Nguyên giá	222		56.349.239.282	55.030.006.831
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.684.467.867)	(31.758.367.816)
2. Tài sản cố định vô hình	227		160.119.568	185.014.258
Nguyên giá	228		398.315.000	398.315.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(238.195.432)	(213.300.742)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		20.923.767.711	5.545.034.963
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	20.923.767.711	5.545.034.963
IV. Tài sản dài hạn khác	260		23.391.102.924	422.753.682
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	23.391.102.924	422.753.682
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		211.580.802.712	179.161.671.919

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày
31/03/2018

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31/03/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 31/03/2018	Tại ngày 01/10/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		147.123.669.463	116.628.507.871
I. Nợ ngắn hạn	310		123.238.408.835	107.210.593.193
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	45.793.589.664	39.827.639.917
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		256.783.460	749.975.139
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.687.816.166	1.937.221.523
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		702.485.747	580.175.944
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	74.285.339.323	64.115.580.670
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		512.394.475	-
II. Nợ dài hạn	330		23.885.260.628	9.417.914.678
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.11	23.885.260.628	9.417.914.678
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.457.133.249	62.533.164.048
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.12	64.457.133.249	62.533.164.048
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.309.230.000	54.309.230.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.309.230.000	54.309.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		124.205.820	124.205.820
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.874.180	2.294.874.180
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.294.874.180)	(2.294.874.180)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.356.558.615	1.356.558.615
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.667.138.814	6.743.169.613
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		6.132.694.635	540.672.782
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.534.444.179	6.202.496.831
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		211.580.802.712	179.161.671.919



Trần Tuấn Minh
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2018

Đinh Thị Nguyễn Hương
Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày
31/03/2018

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/03/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.14	204.048.683.829	223.199.146.894
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		54.150.456	8.997.364
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		203.994.533.373	223.190.149.530
4. Giá vốn hàng bán	11	4.15	186.463.905.397	199.055.957.529
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.530.627.976	24.134.192.001
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.16	215.782.044	806.981.090
7. Chi phí tài chính	22	4.17	3.247.935.992	2.848.179.848
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		3.054.828.624	2.255.788.125
8. Chi phí bán hàng	24	4.18	6.815.961.379	7.940.844.898
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.19	5.676.834.765	5.239.683.502
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.005.677.884	8.912.464.843
11. Thu nhập khác	31	4.20	1.256.588.395	75.917.664
12. Chi phí khác	32		1.679.890	606.400
13. Lợi nhuận khác	40		1.254.908.505	75.311.264
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.260.586.389	8.987.776.107
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.21	726.142.210	1.923.380.285
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.534.444.179	7.064.395.822
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.4	347	1.324
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.5	347	1.203



Trần Tuấn Minh
Trần Tuấn Minh
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2018

Đinh Thị Nguyễn Hương
Đinh Thị Nguyễn Hương
Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga
Đinh Thị Phương Nga
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng
 Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7
 Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày
 31/03/2018

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/03/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.260.586.389	8.987.776.107
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.20	3.719.846.380	3.386.014.122
Các khoản dự phòng	03		-	(50.000.000)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04		(1.140.000)	(84.494.528)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.201.318.470)	(5.323.422)
Chi phí lãi vay	06	4.17	3.054.828.624	2.255.788.125
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			8.832.802.923	14.489.760.404
3. trước những thay đổi vốn lưu động	08			
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.160.717.697	(13.658.687.558)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.224.292.546)	(1.325.730.447)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.592.744.425	18.105.141.684
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(23.674.725.421)	(671.595.184)
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.054.828.624)	(2.255.788.125)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(979.923.196)	(2.190.605.690)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(98.080.503)	(87.576.446)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.445.585.245)	12.404.918.638
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(18.466.816.838)	(7.503.075.655)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.197.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.318.470	5.323.422
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.265.498.368)	(7.497.752.233)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng
 Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7
 Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày
 31/03/2018

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/03/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.23	166.755.120.340	145.111.748.865
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.24	(142.111.316.662)	(144.854.128.663)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(629.371.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		24.643.803.678	(371.751.796)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(2.067.279.935)	4.535.414.609
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.109.332.972	8.901.447.120
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	84.494.528
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	4.1	5.042.053.037	13.521.356.257



Trần Tuấn Minh
 Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2018

Đinh Thị Nguyễn Hương
 Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày
31/03/2018

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 08 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là ngày 01 tháng 08 năm 2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.309.230.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 là 244 người (30 tháng 09 năm 2017 là: 264).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế, kệ, tủ bằng gỗ (trừ chế biến gỗ tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang và các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu (không được hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; và
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 10 năm nay đến ngày 30 tháng 09 năm sau.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2018 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2017.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/03/2018 VND	Tại ngày 01/10/2017 VND
Tiền mặt	1.628.892.435	734.631.845
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.413.160.602	6.374.701.127
Cộng	5.042.053.037	7.109.332.972

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/03/2018 VND	Tại ngày 01/10/2017 VND
Harbor Freight Tools	11.792.837.217	10.430.894.880
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	5.931.989.572	4.404.283.067
Các khách hàng khác	25.299.968.622	28.140.102.260
Cộng	43.024.795.411	42.975.280.207

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2018 VND	Tại ngày 01/10/2017 VND
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH SX-TM Bao Bì Nhựa Kiệt Thành Long An	511.093.488	-
Công ty Cổ phần Phú An Thạnh	-	14.832.883.833
Các nhà cung cấp khác	738.424.911	1.445.911.741
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – xem thêm mục 4.26	159.688.500	1.507.011.500
Cộng	1.409.206.899	17.785.807.074

4.4. Nợ xấu

	Tại ngày 31/03/2018 VND		Tại ngày 01/10/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.301.979.784	-	1.301.979.784	-

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khách hàng này đã mất khả năng thanh toán.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2018 VND			Tại ngày 01/10/2017 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV TMDV XNK Quyền Hưng	401.230.064	-	> 3 năm	401.230.064	-	> 3 năm
Công ty CP Đầu Tư và XDCN C007A - XN Xây Dựng Số 9	224.887.040	-	> 3 năm	224.887.040	-	> 3 năm
Công ty CP Thống Nhất	180.120.000	-	> 3 năm	180.120.000	-	> 3 năm
Các khách hàng khác	495.742.680	-	> 3 năm	495.742.680	-	> 3 năm
Cộng	1.301.979.784	-		1.301.979.784	-	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/03/2018 VND		Tại ngày 01/10/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.505.671.956	-	27.841.307.289	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở đang	385.837.239	-	1.604.611.739	-
Thành phẩm	43.946.603.781	-	32.957.637.820	-
Hàng hóa	9.946.959.847	-	6.157.223.429	-
Cộng	73.785.072.823	-	68.560.780.277	-

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 31/03/2018 đã được dùng để thế chấp, bảo đảm các khoản vay là 48.333.100.983 VND – Xem thêm mục 4.11.

4.6. Xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng nhà xưởng thuộc dự án mở rộng nhà xưởng tại Long An.

Giá trị tài sản dở dang tại ngày 31/03/2018 đã được dùng để thế chấp, bảo đảm các khoản vay là 20.923.767.711 VND – Xem thêm mục 4.11.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Tặng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/10/2017	775.086.961	49.737.042.672	4.044.550.996	473.326.202	55.030.006.831
Mua trong kỳ	-	3.088.084.090	-	-	3.088.084.090
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.660.633.456)	-	(108.218.183)	(1.768.851.639)
Tại ngày 31/03/2018	775.086.961	51.164.493.306	4.044.550.996	365.108.019	56.349.239.282
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/10/2017	302.706.656	29.667.388.694	1.355.069.783	433.202.683	31.758.367.816
Khấu hao trong kỳ	53.268.636	3.340.794.058	288.896.502	11.992.494	3.694.951.690
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.660.633.456)	-	(108.218.183)	(1.768.851.639)
Tại ngày 31/03/2018	355.975.292	31.347.549.296	1.643.966.285	336.976.994	33.684.467.867
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/10/2017	472.380.305	20.069.653.978	2.689.481.213	40.123.519	23.271.639.015
Tại ngày 31/03/2018	419.111.669	19.816.944.010	2.400.584.711	28.131.025	22.664.771.415

Giá trị còn lại tại ngày 31/03/2018 của TSCĐ hữu hình là 22.636.640.390 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.11.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.451.635.691 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày
31/03/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.8. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/03/2018 VND	Tại ngày 01/10/2017 VND
Ngắn hạn:		
Lương tháng 13 và thưởng	1.801.705.488	633.216.590
Chi phí thuê nhà	173.870.968	312.500.000
Các khoản khác	968.944.175	1.292.427.862
Cộng	<u>2.944.520.631</u>	<u>2.238.144.452</u>
Dài hạn:		
Tiền thuê đất KCN An Phú Thạnh	22.606.108.616	-
Công cụ dụng cụ	624.016.670	242.351.747
Các khoản khác	160.977.638	180.401.935
Cộng	<u>23.391.102.924</u>	<u>422.753.682</u>

Giá trị còn lại của tiền thuê đất trả trước tại KCN An Phú Thạnh tại ngày 31/03/2018 đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay là 22.606.108.616 VND – Xem thêm mục 4.11.

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2018 VND		Tại ngày 01/10/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	24.569.114.181	24.569.114.181	18.074.253.847	18.074.253.847
Công ty TNHH Posco Việt Nam Holdings - CN Đồng Nai	4.766.928.936	4.766.928.936	10.363.381.959	10.363.381.959
Phải trả cho các đối tượng khác	16.457.546.547	16.457.546.547	11.390.004.111	11.390.004.111
Cộng	<u>45.793.589.664</u>	<u>45.793.589.664</u>	<u>39.827.639.917</u>	<u>39.827.639.917</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,

Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/03/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/03/2018		Trong kỳ		Tại ngày 01/10/2017	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	17.471.791.063	-	16.478.772.248	23.158.072.259	10.792.491.052	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.669.180	-	-	-	3.669.180
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.479.867.197	726.142.210	979.923.196	-	1.733.648.183
Thuế thu nhập cá nhân	-	204.279.789	204.323.767	199.948.138	-	199.904.160
Các loại thuế khác	590.926.700	-	-	-	590.926.700	-
Cộng	18.062.717.763	1.687.816.166	17.409.238.225	24.337.943.593	11.383.417.752	1.937.221.523

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,

Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/03/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.11. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2018		Trong kỳ		Tại ngày 01/10/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngắn hạn	72.189.237.054	72.189.237.054	150.788.048.119	141.488.839.739	62.890.028.674	62.890.028.674
Vay dài hạn đến hạn trả	2.096.102.269	2.096.102.269	1.499.726.271	629.175.998	1.225.551.996	1.225.551.996
Cộng	74.285.339.323	74.285.339.323	152.287.774.390	142.118.015.737	64.115.580.670	64.115.580.670
Dài hạn:						
Vay	23.885.260.628	23.885.260.628	15.967.072.221	1.499.726.271	9.417.914.678	9.417.914.678
Cộng	23.885.260.628	23.885.260.628	15.967.072.221	1.499.726.271	9.417.914.678	9.417.914.678
Tổng cộng	98.170.599.951	98.170.599.951	168.254.846.611	143.617.742.008	73.533.495.348	73.533.495.348

Vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn vay theo từng lần nhận nợ dưới 12 tháng, chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ (binh quân 9,5%/năm đối với các khoản vay VND và 5,2%/năm đối với các khoản vay USD) nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam. Các khoản vay này được thế chấp bằng tồn kho của Công ty. – Xem thêm mục 4.5 và 4.7.

Vay dài hạn ngân hàng có thời hạn từ 3 – 10 năm, chịu lãi suất theo thời điểm với mức lãi suất bình quân từ 9,0%/năm đến 10,5%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay. – Xem thêm mục 4.6 và 4.8.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,

Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/03/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.12. Vốn chủ sở hữu****4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu ngân quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/10/2016	49.501.710.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	6.048.192.782	57.030.667.217
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	7.064.395.822	7.064.395.822
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
Số dư tại ngày 31/03/2017	49.501.710.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	12.412.588.604	63.395.063.039
Tăng vốn	4.807.520.000	-	-	-	-	(4.807.520.000)	-
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	(772.373.969)	(772.373.969)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(89.525.022)	(89.525.022)
Số dư tại ngày 01/10/2017	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	6.743.169.613	62.533.164.048
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	-	2.534.444.179	2.534.444.179
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(610.474.978)	(610.474.978)
Số dư tại ngày 31/03/2018	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	8.667.138.814	64.457.133.249

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/03/2018 VND	Tại ngày 01/10/2017 VND
Vốn góp của Công ty CP Hữu Liên Á Châu	16.828.680.000	16.784.592.854
Vốn góp của Ông Trần Tuấn Minh	9.082.920.000	2.476.415.339
Vốn góp của các đối tượng khác	28.397.630.000	35.048.221.807
Cộng	54.309.230.000	54.309.230.000

4.12.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/03/2018	Tại ngày 01/10/2017
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.430.923	5.430.923
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.430.923	5.430.923
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(142.300)	(142.300)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.288.623	5.288.623

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.12.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.534.444.179	7.064.395.822
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(700.000.000)	(700.000.000)
Lãi /(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	1.834.444.179	6.364.395.822
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	5.288.623	4.807.871
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	347	1.324

4.12.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.534.444.179	7.064.395.822
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(700.000.000)	(700.000.000)
Lãi /(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	1.834.444.179	6.364.395.822
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	5.288.623	5.288.658
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	347	1.203

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/03/2018	Tại ngày 01/10/2017
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.061.625.388	1.061.625.388
Ngoại tệ (USD)	66.567,52	192.764,70

4.14. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	31.282.708.321	31.179.496.397
Doanh thu bán thành phẩm	172.430.975.508	191.689.650.497
Doanh thu hoạt động khác	335.000.000	330.000.000
Cộng	204.048.683.829	223.199.146.894

4.15. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	33.010.980.268	31.585.961.227
Giá vốn của thành phẩm đã bán	153.090.425.129	167.094.996.302
Giá vốn hoạt động khác	362.500.000	375.000.000
Cộng	186.463.905.397	199.055.957.529

4.16. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.318.470	5.323.422
Lãi chênh lệch tỷ giá	211.463.574	801.657.668
Cộng	215.782.044	806.981.090

4.17. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	3.054.828.624	2.255.788.125
Lỗ chênh lệch tỷ giá	193.107.368	592.391.723
Cộng	3.247.935.992	2.848.179.848

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	2.630.246.126	2.703.319.484
Chi phí dụng cụ đồ dùng	5.824.691	10.114.129
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.239.234	69.315.682
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.377.233.647	4.393.238.441
Các khoản chi phí khác	735.417.681	764.857.162
Cộng	6.815.961.379	7.940.844.898

4.19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.452.770.864	2.110.544.476
Chi phí khấu hao tài sản cố định	291.274.320	261.722.372
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.598.151.834	1.606.996.177
Chi phí bằng tiền khác	1.334.637.747	1.260.420.477
Cộng	5.676.834.765	5.239.683.502

4.20. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.197.000.000	-
Thu nhập khác	59.588.395	75.917.664
Cộng	1.256.588.395	75.917.664

4.21. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	182.737.930.883	182.302.880.833
Chi phí nhân công	17.967.380.116	17.573.396.916
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.719.846.380	3.386.014.122
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.931.811.483	7.245.560.178
Chi phí khác bằng tiền	2.159.660.558	3.373.625.973
Cộng	212.516.629.420	213.881.478.022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	3.260.586.389	8.987.776.107
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	370.124.658	629.125.319
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	3.630.711.047	9.616.901.426
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	726.142.210	1.923.380.285
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	726.142.210	1.923.380.285

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

4.23. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	166.755.120.340	145.111.748.865

4.24. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(142.111.316.662)	(144.854.128.663)

4.25. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Trong nước
- Xuất khẩu

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày
31/03/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/03/2018

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	130.377	135.153	73.618	88.037	203.995	223.190
Cộng	130.377	135.153	73.618	88.037	203.995	223.190
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả của bộ phận CP không phân bổ	(1.020)	6.824	18.551	17.311	17.531	24.135
Thu nhập tài chính					12.493	13.181
Chi phí tài chính					216	807
Lợi nhuận trước thuế					3.248	2.848
Thuế TNDN					3.261	8.988
					726	1.923
Lợi nhuận sau thuế					2.535	7.065
Các thông tin khác						
	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	31/03 2018 Triệu đồng	01/10 2017 Triệu đồng	31/03 2018 Triệu đồng	01/10 2017 Triệu đồng	31/03 2018 Triệu đồng	01/10 2017 Triệu đồng
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	27.931	31.362	15.094	11.614	43.025	42.976
Tổng tài sản					168.556	136.186
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	43.446	38.064	2.348	1.764	45.794	39.828
Tổng nợ phải trả					101.330	76.801
	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng
Chi phí mua sắm tài sản	18.467	7.503	-	-	18.467	7.503
Chi phí khấu hao	3.720	3.386	-	-	3.720	3.386

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì hoạt động của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh sắt thép, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

4.26. Thông tin về các bên có liên quan**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|------------------------------------|------------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. HĐQT và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/03/2018 VND	Tại ngày 01/10/2017 VND
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu:		
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.3	159.688.500	1.507.011.500

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu:		
Phí thuê kho	5.739.566.362	4.300.857.180
Mua hàng	-	645.494.022

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao Hội đồng quản trị	180.000.000	180.000.000
Thu nhập Giám đốc	529.591.594	503.754.694

4.27. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	84.000.000	84.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.28. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Trần Tuấn Minh
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2018

Đinh Thị Nguyễn Hương
Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga
Người lập

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

Ha Noi Office
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +8424 3795 5353
F +8424 3795 5252

Central Office
197 Le Dinh Ly Street, Hoa Thuan Tay Ward
Hai Chau District, Da Nang, Vietnam

T +84 236 363 3334
F +84 236 363 3334

